

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-TÂY NINH**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày 09 - 7 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Thành

Ông Võ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký toà án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 383/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Ủ, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà C, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần L (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần L1);

Người đại diện của Ngân hàng: Ông Nguyễn Bá T (có mặt);

Địa chỉ: Số A, đường H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An (nay là số A, đường H, phường L, tỉnh Tây Ninh).

2. Văn phòng C (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, đường L, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2023 và quá trình xét xử, ông Phan Văn Ủ là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21 tháng 3 năm 2021, ông có cho ông Lê Hoàng D vay với số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 3 tháng, với mức lãi là 5,5%/tháng. Sau khi vay, ông D trả gốc và lãi 5 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 28 tháng 3 năm 2021 trả 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Ngày 10 tháng 5 năm 2021 trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba: Ngày 11 tháng 6 năm 2021 trả 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Lần thứ tư: Ngày 16 tháng 6 năm 2021 trả 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Lần thứ năm: Ngày 10 tháng 12 năm 2021 trả 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Như vậy, ông D còn nợ ông 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Vào ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông cho ông D vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và cùng ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông tiếp tục cho ông D vay số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng), không tính lãi, thời hạn vay 6 tháng. Đến hạn thì ông D không trả nợ vay và xin gia hạn thêm 6 tháng. Hết thời hạn gia hạn, ông D không trả nợ.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng D trả tiền gốc với tổng số tiền là 306.500.000đ (ba trăm lẻ sáu triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Ông Lê Hoàng D là bị đơn trình bày:

Vào ngày 21 tháng 3 năm 2021, ông có vay của ông Phan Văn Ủ với số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 3 tháng, với mức lãi là 5,5%/tháng. Sau khi vay, ông trả tiền cho ông Ủ, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 28 tháng 3 năm 2021 trả 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Ngày 10 tháng 5 năm 2021 trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 thì ông còn nợ ông Ủ 19.000.000đ (mười chín triệu đồng).

Lần thứ ba: Ngày 11 tháng 6 năm 2021 trả 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Lần thứ tư: Ngày 16 tháng 6 năm 2021 trả 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Tiếp đến ngày 17 tháng 9 năm 2021, ông tiếp tục trả cho ông Ủ 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Tiếp theo ông trả cho ông Ủ 3.000.000đ (ba triệu đồng) nhưng không nhớ ngày tháng.

Ngày 03 tháng 11 năm 2021, ông trả cho ông Ủ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), sau đó ông trả cho ông Ủ 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng

không nhớ ngày tháng. Tiếp theo trả thêm 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) không nhớ ngày tháng.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 trả 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau đó ông trả cho ông U nhiều lần cộng lại là 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng), không nhớ ngày tháng.

Tiếp đó ông trả cho ông U 2.000.000đ (hai triệu đồng) và 3.000.000đ (ba triệu đồng) nhưng không ghi ngày tháng. Sao đó, thì ông tiếp tục trả cho ông U nhiều lần, có một lần 3.000.000đ (ba triệu đồng), còn các lần khác bao nhiêu tiền thì ông không nhớ nhưng giữa ông và ông U đã đối chiếu với nhau thì ông không còn nợ tiền ông U, ông kêu ông U sẽ bỏ giấy nợ thì ông U nói bị thất lạc mất giấy.

Như vậy, ông đã trả xong cho ông U số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, ông có giới thiệu ông U vay tiền tại Ngân hàng L tại T vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Vay tiền của Ngân hàng X thì cùng ngày ông U cho ông vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), mức lãi 5%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng, trả lãi mỗi tháng. Sau khi vay thì đến ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông và ông U đối chiếu tiền lãi thì ông đã trả cho ông U 79.000.000đ (bảy mươi chín triệu đồng), còn nợ lại 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) tiền lãi.

Do đó, cùng ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông U kêu ông đi công chứng lại với số tiền ông vay của ông U là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), công chứng luôn về tiền lãi nhưng công chứng không công chứng về mức lãi nên ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông chốt tiền lãi với ông U với số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) lập thành tiền vay (bổ sung vốn).

Từ ngày 18 tháng 4 năm 2023 đến ngày 31 tháng 10 năm 2023 thì ông trả tiền lãi cho ông U tổng số tiền là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) đối với tiền gốc là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), còn khoản tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) thì ông U không tính tiền lãi, còn nợ lãi ông U là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng), ông U kêu ông viết giấy nợ vay 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) nhưng ông không đồng ý, ông ký vào giấy nợ và ghi trong giấy là tiền lãi của số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó đúng thời hạn vay tiền Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu ông U trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thì ông U kêu ông trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhưng ông không có khả năng nên ông U buộc ông vay tiền của bà V ở T với số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), ông U vay của bà D1 vợ ông N - con bà Tư P số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng), khi về lại Tân An ông U buộc ông ký vay tiền của bà V với số tiền là 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng). Hiện nay ông chưa trả tiền cho bà V. Giấy nợ ông U giữ. Ông U vay thêm Ngân hàng 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và ông U trả cho bà V 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng).

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết trừ tiền 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng), ông đồng ý trả cho ông Ủ 193.000.000đ (một trăm chín mươi ba triệu đồng). Đồng thời, ông yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Văn Ủ là nguyên đơn trình bày:

Ông không đồng ý theo số tiền ông D xác định, ông giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Toà án thông báo đối chất cho ông Ủ, ông D nhưng không đối chất được do đương sự vắng mặt, Toà án tiến hành ghi lời khai của các đương sự, các đương sự giữ nguyên nội dung lời trình bày như tại phiên hoà giải.

Tại phiên tòa, ông Ủ rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Lê Hoàng D trả số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng).

Ông Nguyễn Bá T là đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần L1 trình bày: Ngân hàng cho ông Ủ vay với số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), còn việc ông Ủ với ông D thoả thuận như thế nào thì Ngân hàng không biết. Ông D có trả tiền lãi hay không thì ông không biết rõ vì việc thu lãi thuộc bộ phận khác của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Việc thụ lý và giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và quan hệ tranh chấp đúng theo các quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo theo khoản 1 Điều 203 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 75, 76 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh xác định:

Ông Phan Văn Ủ là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 21 tháng 3 năm 2021, ông có cho ông Lê Hoàng D vay với số tiền là 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng, với mức lãi là 5,5%/tháng. Sau khi vay, ông D trả gốc và lãi 5 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 28 tháng 3 năm 2021 trả 3.500.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 10 tháng 5 năm 2021 trả 1.500.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 11 tháng 6 năm 2021 trả 3.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 16 tháng 6 năm 2021 trả 2.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 10 tháng 12 năm 2021 trả 4.500.000 đồng.

Như vậy, ông D còn nợ ông 10.500.000 đồng.

Vào ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông cho ông D vay 250.000.000 đồng và cùng ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông tiếp tục cho ông D vay số tiền 46.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn vay 6 tháng. Đến hạn thì ông D không trả nợ vay và

xin gia hạn thêm 6 tháng. Hết thời hạn gia hạn, ông D không trả nợ.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng D trả tiền gốc với tổng số tiền là 306.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Thời gian cuối cùng trả toàn bộ số tiền là ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Tại phiên tòa hôm nay, ông U rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Lê Hoàng D trả số tiền 46.000.000 đồng. Nay, ông U yêu cầu ông D trả cho ông tổng số tiền là 260.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Lê Hoàng D là bị đơn: Đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ngân hàng thương mại cổ phần L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Hợp đồng vay tài sản số tiền 500.000.000 đồng giữa Ngân hàng với ông U không có liên quan với ông D và cũng không liên quan đến vụ án này.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có xảy ra, việc vay tài sản đã xác lập trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện. Việc vay tài sản giữa ông U với ông D được thể hiện qua biên nhận ngày 21/3/2021, vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng và hợp đồng vay tiền lập ngày 18/04/2023, số tiền vay là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, cả 02 hợp đồng đều có chữ ký của ông D. Trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản hòa giải ngày 25/03/2024 ông D thừa nhận rằng ông có vay của ông U 02 lần vay vào ngày 21/3/2021, vay số tiền 25.000.000 đồng và ngày 18/04/2023, vay số tiền 250.000.000 đồng nhưng số tiền vay 25.000.000 đồng ông D cho rằng đã trả hết cho ông U qua các lần trả khác ngoài các lần trả như ông U đã trình bày, tuy nhiên ông D không nhớ ngày tháng cụ thể cho việc trả số tiền 25.000.000 đồng cho ông U và ông D không có chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của ông D là không có cơ sở. Vì vậy, việc ông Lê Hoàng D không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ông Phan Văn U nên ông U yêu cầu ông D phải trả cho ông U số tiền vốn vay là 260.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông U về việc buộc ông D trả số tiền 46.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 18/04/2023, tại phiên tòa ông U đã rút yêu cầu này. Do nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện nên căn cứ theo Điều 244 BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

Đối với việc ông D trình bày rằng ông U buộc ông D ký vay tiền của bà V ở thành phố T với số tiền là 57.000.000 đồng, Giấy nợ ông U giữ nhưng ông D không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà V và ông U cũng không cung cấp địa chỉ cho Tòa án, do đó không có cơ sở để xác minh nên nếu giữa các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Hoàng D phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Ứ tổng số tiền gốc còn nợ là 260.500.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Ứ về việc buộc ông D trả số tiền 46.000.000 đồng.

- Về án phí:

+ Ông Phan Văn Ứ là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Ông Lê Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Phan Văn Ứ và nơi cư trú của ông Lê Hoàng D, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh tiếp tục giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Hoàng D lần thứ 2, đại diện Văn phòng C đến phiên tòa nhưng ông Lê Hoàng D, Văn phòng C vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Hoàng D, Văn phòng C.

[3] Ông Lê Hoàng D cho rằng: Sau khi vay tiền thì ông Ứ buộc ông ký vay tiền của bà V với số tiền là 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng) nên Tòa án nhiều lần yêu cầu ông D cung cấp họ tên, năm sinh địa chỉ của bà V nhưng ông D xác định ông không biết. Đồng thời, Tòa án yêu cầu ông Ứ cung cấp họ tên, năm sinh địa chỉ của bà V nhưng ông Ứ không cung cấp, do đó không đưa bà V vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần L1 xác định: Ngân hàng cho ông Ứ vay với số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), còn việc ông Ứ với ông D thoả thuận như thế nào thì Ngân hàng không biết. Ông D có trả tiền lãi của hợp đồng nêu trên hay không thì ông không biết rõ vì việc thu lãi thuộc bộ phận khác của Ngân hàng.

[5] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì lời trình bày của ông Phan Văn Ứ và lời trình bày của ông Lê Hoàng D phù hợp với nhau nên có cơ sở xác định: Ông Phan Văn Ứ có cho ông Lê Hoàng D vay tiền nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[6] Xét thấy khi khởi kiện ông Phan Văn Ủ yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Hoàng D trả tiền theo 3 hợp đồng vay tiền.

6.1 Đối với số tiền vay 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng): Vào ngày 21 tháng 3 năm 2021, ông Phan Văn Ủ có cho ông Lê Hoàng D vay với số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Sau khi vay, ông D trả gốc và lãi 5 lần, cụ thể: Lần thứ nhất: Ngày 28 tháng 3 năm 2021 trả 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Lần thứ hai: Ngày 10 tháng 5 năm 2021 trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Lần thứ ba: Ngày 11 tháng 6 năm 2021 trả 3.000.000đ (ba triệu đồng). Lần thứ tư: Ngày 16 tháng 6 năm 2021 trả 2.000.000đ (hai triệu đồng). Lần thứ năm: Ngày 10 tháng 12 năm 2021 trả 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, ông D còn nợ ông 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng), còn ông D cho rằng đã trả xong cho ông Ủ nhưng các chứng cứ ông D cung cấp cho Toà án biên nhận ngày 21 tháng 3 năm 2021 chỉ thể hiện việc ông D đã trả tiền cho ông Ủ đến ngày 21 tháng 5 năm 2021 thì ông D còn nợ ông Ủ số tiền 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng), trên đầu giấy ghi “đi vay mượn” trong giấy này ông Ủ thừa nhận ngày 29 tết 2022 lấy 1.000.000đ (một triệu đồng), ngày 09 tháng 3 năm 2021 lấy 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và gửi đi đóng tiền điện lấy 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) có chữ ký xác nhận của ông Ủ nên được Hội Đồng xét xử chấp nhận. Do đó, việc ông Ủ xác định ông D còn nợ số tiền 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu của ông Ủ.

6.2. Đối với 2 hợp đồng vay tiền cùng ngày 18 tháng 4 năm 2023 với số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng), ông Ủ yêu cầu ông D trả số tiền nêu trên, còn ông D xác định: Ngày 15 tháng 6 năm 2022, ông có giới thiệu ông Ủ vay tiền tại Ngân hàng L tại T vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Vay tiền của Ngân hàng X thì cùng ngày ông Ủ cho ông vay số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), mức lãi 5%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng, trả lãi mỗi tháng. Sau khi vay thì đến ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông và ông Ủ đối chiếu tiền lãi thì ông đã trả cho ông Ủ 79.000.000đ (bảy mươi chín triệu đồng), còn nợ lại 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) tiền lãi. Do đó, cùng ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông Ủ kêu ông đi công chứng lại với số tiền ông vay của ông Ủ là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), công chứng luôn về tiền lãi nhưng công chứng không công chứng về mức lãi nên ngày 18 tháng 4 năm 2023, ông chốt tiền lãi với ông Ủ với số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) lập thành tiền vay (bổ sung vốn).

6.3. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ủ về việc buộc ông D trả số tiền 46.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 18 tháng 04 năm 2023, tại phiên tòa ông Ủ đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ủ về việc buộc ông D trả số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng).

Xét thấy tại bản tường trình ngày 18 tháng 4 năm 2024 và quá trình tố tụng ông Lê Hoàng D xác định: Nếu ông đang thiếu nợ bà V số tiền 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng) thì ông Ủ phải trừ vào số tiền nợ gốc của ông vay của ông Ủ

250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), ông chỉ còn nợ ông Ủ 193.000.000đ (một trăm chín mươi ba triệu đồng), nếu ông Ủ đã trả số tiền 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng) cho bà V rồi thì ông còn nợ ông Ủ số tiền gốc là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

[7] Tòa án đã yêu cầu ông Ủ, ông D cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú của bà V nhưng ông Ủ, ông D không cung cấp địa chỉ cụ thể của bà V nên không có cơ sở xem xét trong cùng vụ án. Trong trường hợp có phát sinh tranh chấp thì giữa các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định chung của pháp luật.

[8] Ông Phan Văn Ủ không yêu cầu ông Lê Hoàng D trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ các phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc ông Lê Hoàng D có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Ủ tổng số tiền vay là 260.500.000đ (hai trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

[10] Án phí dân sự có giá ngạch: Ông Phan Văn Ủ không phải chịu án phí, ông Ủ đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí vì người cao tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí đúng theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 260.500.000đ (hai trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng) x 5 % = 13.025.000đ (mười ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ủ về việc buộc ông Lê Hoàng D trả tiền vay.

Buộc ông Lê Hoàng D có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Ủ tổng cộng số tiền vay là 260.500.000đ (hai trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ủ về việc buộc ông Lê Hoàng D trả số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) theo hợp đồng vay

ngày 18 tháng 04 năm 2023 đã được Văn phòng C chứng thực. Ông Phan Văn Ủ có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định chung của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Phan Văn Ủ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 13.025.000đ (mười ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông Phan Văn Ủ, Văn phòng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (1b);
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh (2b);
- THA tỉnh Tây Ninh (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).

Diệp Song Tiền